|  |  |
| --- | --- |
| BỘ Y TẾ  **BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN**  **THÍ ĐIỂM BÁC SỸ TRẺ TÌNH NGUYỆN VỀ VÙNG KHÓ KHĂN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *……………………, ngày tháng năm 2019* |

**MẪU TỰ ĐÁNH GIÁ ĐỐI VỚI BÁC SỸ TRẺ**

**CHUYÊN NGÀNH NGOẠI KHOA DỰ ÁN 585**

**I. Thông tin chung bác sỹ trẻ.**

Họ và tên :…..………………………………………………………………….

Ngày sinh:………………………………………………………………………

Chuyên ngành:………………………………………………………………….

Tốt nghiệp Chuyên khoa I năm:………………………………………………..

Đơn vị tuyển dụng:……………………………………………………………..

Đơn vị sử dụng:…………………………………………………………………

Thời gian bắt đầu công tác tại huyện nghèo:…………………………………..

**II. Các nội dung đánh giá**

**1. Mô tả hoạt động thường ngày (**Công việc chính ở khoa làm gì? Phối hợp với ai? Thời gian làm việc? Hỗ trợ đồng nghiệp?.....)

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

**2. Đánh giá chung**

- Thời gian làm việc trung bình: ……/ngày

- Số buổi trực:…… buổi/tuần

- Số bệnh nhân được bác sỹ trẻ khám/ thực hiện thủ thuật hàng ngày: …….bệnh nhân

**3. Các nội dung bác sỹ trẻ tự đánh giá**

**3.1. Về chuyên môn: làm được………. kỹ thuật, trong đó:**

- Chuyển giao cho đơn vị: …. kỹ thuật

- Thực hiện theo phân tuyến: …… kỹ thuật

- Theo chương trình đào tạo: …… kỹ thuật

**3.1.1. Các kỹ thuật Bác sỹ trẻ chuyển giao cho đơn vị sau khi đến công tác**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **DANH MỤC KỸ THUẬT** | **Tần suất** |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |

**3.1.2 . Các kỹ thuật bác sỹ trẻ thực hiện được theo phân tuyến kỹ thuật**

| **TT** | **DANH MỤC KỸ THUẬT** | **Tần suất**  **(số ca/ngày**  **/tuần/tháng** | **Trong đó** | | **Mức độ tự tin**  **(+/-)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số ca tự làm** | **Số ca phối hợp** |
|  | **A. Thần kinh ngoại biên** |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật u thần kinh trên da |  |  |  |  |
|  | **B. Tim mạch- lồng ngực** |  |  |  |  |
|  | **1. Cấp cứu chấn thương- vết thương ngực** |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật dẫn lưu tối thiểu khoang màng phổi |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật điều trị vết thương ngực hở đơn thuần |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật điều trị vết thương tim |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật điều trị vỡ tim do chấn thương |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật điều trị vỡ phế quản do chấn thương ngực |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật khâu vết thương nhu mô phổi |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật lấy dị vật trong phổi – màng phổi |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật điều trị vết thương ngực – bụng qua đường bụng |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật điều trị mảng sườn di động |  |  |  |  |
|  | Cố định gãy xương sườn bằng băng dính to bản |  |  |  |  |
|  | **2. Cấp cứu chấn thương- vết thương mạch máu** |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật điều trị vết thương mạch đốt sống |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật thắt các mạch máu lớn ngoại vi |  |  |  |  |
|  | **3. Bệnh tim mắc phải** |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật dẫn lưu dịch khoang màng tim |  |  |  |  |
|  | **4. Bệnh tim mạch máu** |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật điều trị tắc động mạch chi cấp tính do huyết khối, mảnh sùi, dị vật |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật tạo thông động – tĩnh mạch để chạy thận nhân tạo |  |  |  |  |
|  | **5. Lồng ngực** |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật cắt u thành ngực |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật điều trị nhiễm trùng vết mổ ngực |  |  |  |  |
|  | Mở ngực thăm dò, sinh thiết |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật điều trị máu đông màng phổi |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật lấy dị vật phổi – màng phổi |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật điều trị bệnh lý mủ màng phổi |  |  |  |  |
|  | **C. Tiết niệu – sinh dục** |  |  |  |  |
|  | **1. Thận** |  |  |  |  |
|  | Dẫn lưu thận qua da dưới hướng dẫn của siêu âm |  |  |  |  |
|  | Dẫn lưu viêm tấy quanh thận, áp xe thận |  |  |  |  |
|  | **2. Bàng quang** |  |  |  |  |
|  | Bơm rửa bàng quang, bơm hoá chất |  |  |  |  |
|  | Thay ống thông dẫn lưu thận, bàng quang |  |  |  |  |
|  | Lấy sỏi bàng quang |  |  |  |  |
|  | Dẫn lưu n­ước tiểu bàng quang |  |  |  |  |
|  | Dẫn lưu áp xe khoang Retzius |  |  |  |  |
|  | Dẫn lưu bàng quang đơn thuần |  |  |  |  |
|  | **3. Niệu đạo** |  |  |  |  |
|  | Dẫn lưu viêm tấy khung chậu do rò nư­ớc tiểu |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật áp xe tuyến tiền liệt |  |  |  |  |
|  | **4. Sinh dục** |  |  |  |  |
|  | Nong niệu đạo |  |  |  |  |
|  | Cắt bỏ tinh hoàn |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật xoắn, vỡ tinh hoàn |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật tràn dịch màng tinh hoàn |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật chữa xơ cứng dương vật (Peyronie) |  |  |  |  |
|  | Cắt bỏ bao da qui đầu do dính hoặc dài |  |  |  |  |
|  | Cắt hẹp bao quy đầu |  |  |  |  |
|  | Mở rộng lỗ sáo |  |  |  |  |
|  | Đặt tinh hoàn nhân tạo |  |  |  |  |
|  | **D. Tiêu hóa** |  |  |  |  |
|  | **1. Thực quản** |  |  |  |  |
|  | Mở ngực thăm dò |  |  |  |  |
|  | Mở ngực thăm dò, sinh thiết |  |  |  |  |
|  | Mở thông dạ dày |  |  |  |  |
|  | **2. Dạ dày** |  |  |  |  |
|  | Mở bụng thăm dò |  |  |  |  |
|  | Mở bụng thăm dò, sinh thiết |  |  |  |  |
|  | Nối vị tràng |  |  |  |  |
|  | Cắt dạ dày hình chêm |  |  |  |  |
|  | Khâu lỗ thủng dạ dày tá tràng |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật Newmann |  |  |  |  |
|  | **3. Tá tràng** |  |  |  |  |
|  | Cắt u tá tràng |  |  |  |  |
|  | Cắt màng ngăn tá tràng |  |  |  |  |
|  | **4. Ruột non- Mạc treo** |  |  |  |  |
|  | Mở thông hỗng tràng hoặc mở thông hồi tràng |  |  |  |  |
|  | Khâu lỗ thủng hoặc khâu vết thương ruột non |  |  |  |  |
|  | Cắt dây chằng, gỡ dính ruột |  |  |  |  |
|  | Tháo xoắn ruột non |  |  |  |  |
|  | Tháo lồng ruột non |  |  |  |  |
|  | Đẩy bã thức ăn xuống đại tràng |  |  |  |  |
|  | Mở ruột non lấy dị vật (bã thức ăn, giun, mảnh kim loại,…) |  |  |  |  |
|  | Cắt ruột non hình chêm |  |  |  |  |
|  | Cắt đoạn ruột non, lập lại lưu thông |  |  |  |  |
|  | Cắt đoạn ruột non, đưa hai đầu ruột ra ngoài |  |  |  |  |
|  | Cắt đoạn ruột non, nối tận bên, đưa 1 đầu ra ngoài (Quénue) |  |  |  |  |
|  | Cắt nhiều đoạn ruột non |  |  |  |  |
|  | Gỡ dính sau mổ lại |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật điều trị apxe tồn dư, dẫn lưu ổ bụng |  |  |  |  |
|  | Đóng mở thông ruột non |  |  |  |  |
|  | Nối tắt ruột non - đại tràng hoặc trực tràng |  |  |  |  |
|  | Nối tắt ruột non - ruột non |  |  |  |  |
|  | Cắt mạc nối lớn |  |  |  |  |
|  | Cắt bỏ u mạc nối lớn |  |  |  |  |
|  | Cắt u mạc treo ruột |  |  |  |  |
|  | **5. Ruột thừa- Đại tràng** |  |  |  |  |
|  | Cắt ruột thừa đơn thuần |  |  |  |  |
|  | Cắt ruột thừa, lau rửa ổ bụng |  |  |  |  |
|  | Cắt ruột thừa, dẫn lưu ổ apxe |  |  |  |  |
|  | Dẫn lưu áp xe ruột thừa |  |  |  |  |
|  | Dẫn lưu hoặc mở thông manh tràng |  |  |  |  |
|  | Làm hậu môn nhân tạo |  |  |  |  |
|  | **6. Trực tràng** |  |  |  |  |
|  | Làm hậu môn nhân tạo |  |  |  |  |
|  | Lấy dị vật trực tràng |  |  |  |  |
|  | **7. Tầng sinh môn** |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật cắt trĩ kinh điển (phương pháp Milligan – Morgan hoặc Ferguson) |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật cắt trĩ kinh điển có sử dụng dụng cụ hỗ trợ |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật chích, dẫn lưu áp xe cạnh hậu môn đơn giản |  |  |  |  |
|  | Điều trị nứt kẽ hậu môn bằng cắt cơ tròn trong (vị trí 3 giờ và 9 giờ) |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật cắt da thừa cạnh hậu môn |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật cắt u nhú ống hậu môn (condylome) |  |  |  |  |
|  | Cắt u lành tính ống hậu môn (u cơ, polyp…) |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật điều trị đứt cơ thắt hậu môn |  |  |  |  |
|  | Các phẫu thuật hậu môn khác |  |  |  |  |
|  | **E. Gan – tụy – mật** |  |  |  |  |
|  | **1. Gan** |  |  |  |  |
|  | Thăm dò, sinh thiết gan |  |  |  |  |
|  | Thắt động mạch gan (riêng, phải, trái) |  |  |  |  |
|  | Cầm máu nhu mô gan |  |  |  |  |
|  | Chèn gạc nhu mô gan cầm máu |  |  |  |  |
|  | Cắt chỏm nang gan |  |  |  |  |
|  | **2. Mật** |  |  |  |  |
|  | Mở thông túi mật |  |  |  |  |
|  | Cắt túi mật |  |  |  |  |
|  | **3. Tụy** |  |  |  |  |
|  | Khâu vết thương tụy và dẫn lưu |  |  |  |  |
|  | Dẫn lưu nang tụy |  |  |  |  |
|  | Nối nang tụy với tá tràng |  |  |  |  |
|  | Nối nang tụy với dạ dày |  |  |  |  |
|  | Nối nang tụy với hỗng tràng |  |  |  |  |
|  | Cắt thân đuôi tụy kèm cắt lách |  |  |  |  |
|  | Cắt lách do chấn thương |  |  |  |  |
|  | Khâu vết thương lách |  |  |  |  |
|  | **G. Thành bụng, cơ hoành phúc mạc** |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Bassini |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Shouldice |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp kết hợp Bassini và Shouldice |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Lichtenstein |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn 2 bên |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật điều trị thoát vị đùi |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật điều trị thoát vị vết mổ thành bụng |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật điều trị thoát vị thành bụng khác |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật rò, nang ống rốn tràng, niệu rốn |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật khâu lỗ thủng cơ hoành do vết thương |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật khâu vỡ cơ hoành |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật cắt u thành bụng |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật khâu phục hồi thành bụng do toác vết mổ |  |  |  |  |
|  | Khâu vết thương thành bụng |  |  |  |  |
|  | Các phẫu thuật thành bụng khác |  |  |  |  |
|  | **H. Chấn thương – chỉnh hình** |  |  |  |  |
|  | **1. Vùng vai-xương đòn** |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật KHX gãy xương đòn |  |  |  |  |
|  | **2. Vùng cẳng tay** |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật KHX gãy mỏm khuỷu |  |  |  |  |
|  | **3. Tổn thương phần mềm** |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật thương tích phần mềm các cơ quan vận động |  |  |  |  |
|  | **4. Vùng cổ tay-bàn tay** |  |  |  |  |
|  | Thương tích bàn tay giản đơn |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật làm mỏm cụt ngón và đốt bàn ngón |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật cắt cụt cẳng tay, cánh tay |  |  |  |  |
|  | **5. Phẫu thuật chấn thương chỉnh hình khác** |  |  |  |  |
|  | Rút đinh/tháo phương tiện kết hợp xương |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật vết thương phần mềm đơn giản/rách da đầu |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật rút nẹp, dụng cụ kết hợp xương |  |  |  |  |
|  | **K. Các phẫu thuật khác** |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật đặt Catheter ổ bụng để lọc màng bụng |  |  |  |  |
|  | **M. Các kỹ thuật khác** |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |

**3.1.3. Các kỹ thuật bác sỹ trẻ đã thực hiện theo chương trình đào tạo dự án 585**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | **DANH MỤC KỸ THUẬT** | **Tần suất**  **(số ca/ngày/**  **tuần/tháng** | **Ghi chú** | | **Mức độ tự tin**  **(+/-)** |
| **Số ca tự làm** | **Số ca phối hợp** |
| 1 | Mổ viêm ruột thừa. |  |  |  |  |
| 2 | Mổ biến chứng của viêm ruột thừa. |  |  |  |  |
| 3 | Khâulỗ thủngdạdày, tátràng, ruột non. |  |  |  |  |
| 4 | Cắt nối ruột non. |  |  |  |  |
| 5 | Mổ tắc ruột lần đầu. |  |  |  |  |
| 6 | Nối vị tràng. |  |  |  |  |
| 7 | Mở thông dạ dày. |  |  |  |  |
| 8 | Mở thông ruột non. |  |  |  |  |
| 9 | Cắt đoạn dạ dày. |  |  |  |  |
| 10 | Làm hậu môn nhân tạo. |  |  |  |  |
| 11 | Dẫn lưu túi mật. |  |  |  |  |
| 12 | Cắt túi mật (nội soi, mở bụng). |  |  |  |  |
| 13 | Mổ sỏi ống mật chủ lần đầu. |  |  |  |  |
| 14 | Cầm máu vết thương gan, khâu vết thương đơn giản. |  |  |  |  |
| 15 | Dẫn lưu áp xe dưới hoành, áp xe Douglas. |  |  |  |  |
| 16 | Cắt lách do chấn thương. |  |  |  |  |
| 17 | Mổ thoát vị bẹn, đùi, nước màng tinh hoàn. |  |  |  |  |
| 18 | Dẫn lưu bàng quang. |  |  |  |  |
| 19 | Mổ lấy sỏi bàng quang. |  |  |  |  |
| 20 | Dẫn lưu bể thận. |  |  |  |  |
| 21 | Mổ chấn thương thận. |  |  |  |  |
| 22 | Đỡ đẻ thường. |  |  |  |  |
| 23 | Kiểm soát tử cung. |  |  |  |  |
| 24 | Bóc rau nhân tạo. |  |  |  |  |
| 25 | Kiến tập làm và phụ Forceps. |  |  |  |  |
| 26 | Kiến tập làm và phụ Ventous. |  |  |  |  |
| 27 | Nạo - hút thai. |  |  |  |  |
| 28 | Mổ lấy thai. |  |  |  |  |
| 29 | Phụ mổ lấy thai |  |  |  |  |
| 30 | Phụ mổ cắt tử cung bán phần/hoàn toàn. |  |  |  |  |
| 31 | Phụ mổ u nang buồng trứng. |  |  |  |  |
| 32 | Phụ mổ chửa ngoài tử cung. |  |  |  |  |
| 33 | Mổ cắt tử cung bán phần/hoàn toàn. |  |  |  |  |
| 34 | Mổ u nang buồng trứng. |  |  |  |  |
| 35 | Mổ chửa ngoài tử cung. |  |  |  |  |
| 36 | Thực hành siêu âm sản phụ khoa cơ bản. |  |  |  |  |

**3.2. Về các hoạt động khác**

- Số tài liệu được viết, soạn thảo để đào tạo, hướng dẫn cho đồng nghiệp tại huyện nghèo: ….

Trong đó:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên tài liệu** | **Số trang** |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |

- Số buổi tập huấn, hướng dẫn chia sẻ kinh nghiệm được bác sỹ trẻ thực hiện:………

Trong đó:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tập huấn** | **Số ngày** | **Số người tham dự** |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

- Một số hoạt động khác (ngoài chuyên khoa ngoại, có thực hiện hoạt động chuyên môn, Khám chữa bệnh chuyên khoa khác không, ví dụ sản)

..................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

- Bác sỹ trẻ tự đánh giá hiệu quả của các hoạt động trên

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

..........................................................................................................................................

**4. Về việc thực hiện chế độ chính sách đối với bác sỹ trẻ tình nguyện**

......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**5. Thuân lợi, khó khăn khi công tác tại huyện nghèo**

**5.1. Thuận lợi**

..................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**5.2. Khó khăn**

......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**6. Đề xuất, kiến nghị**

......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người giám sát**  **(Ký tên)** | **Bác sỹ trẻ tình nguyện**  **(ký tên)** | **Lãnh đạo đơn vị**  **(Ký tên, đóng dấu)** |